TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 7 - 2026
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Tăng Thị Bạch Vân**.

Ông **Trần Hoàng Bảy**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Nhặn** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh ngày 20/8/1986 – CCCD số 079XX; Nơi cư trú: Số D, Ấp B, xã C, thành phố Hồ Chí MInh; (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Tô Văn S**, sinh ngày 01/01/1986 – CCCD số 094086007718; Nơi cư trú: Ấp S, xã Đ, thành phố Cần Thơ; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:***

Bà Nguyễn Ngọc T và ông Tô Văn S quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2014, vợ chồng bà Nguyễn Ngọc T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B.C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND xã C, thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014, cấp ngày: 18/03/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Tô Nhã Q, sinh ngày: 21/05/2015 và Tô Phúc N, sinh ngày 03/11/2018 hiện nay các con đang sống chung với bà Nguyễn Ngọc T tại Số D ấp B, xã C, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, gần dây vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2022 đến nay không hàn gắn được. Sau khi ly thân ông Tô Văn S không gọi điện thoại thăm hỏi hay chu cấp gì cho con.

Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc T và chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Tô Văn S.

- Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Tô Nhã Q, sinh ngày: 21/05/2015 và Tô Phúc N, sinh ngày 03/11/2018 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Tô Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc T xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Ngọc T đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

+ Căn cước công dân mang tên Nguyễn Ngọc T (chứng thực);

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014 do UBND xã C cấp ngày: 18/03/2014.

+ Giấy khai sinh mang con chung tên Tô Nhã Q, sinh ngày: 21/05/2015 và Tô Phúc N, sinh ngày 03/11/2018 (bản sao)

Bên cạnh đó, bà Nguyễn Ngọc T đã có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các cháu: Tô Nhã Q, Tô Phúc N có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Tô Văn S. Nhưng ông Tô Văn S thường xuyên không có mặt tại nhà và không có người nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Tô Văn S không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong đó vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Tô Văn S; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tô Nhã Q, sinh ngày: 21/05/2015 và Tô Phúc N, sinh ngày 03/11/2018 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Tô Văn S phải cấp dưỡng cho con. Bà Nguyễn Ngọc T xác định không yêu cầu giải quyết thêm vấn đề gì.

* Bị đơn ông Tô Văn S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn, giao con chưa thành niên cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/3/2026, bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Tô Văn S có nơi cư trú tại Ấp S, xã Đ, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Tô Văn S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Ngọc T, ông Tô Văn S.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T cùng ông Tô Văn S tự nguyện kết hôn và tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Kế An, huyện Kế Sách cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014 do UBND xã C cấp ngày: 18/03/2014. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc T và ông Tô Văn S là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Nguyễn Ngọc T: Sau khi kết hôn vợ chồng bà Nguyễn Ngọc T ông Tô Văn S chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2022 thì sống

ly thân cho đến nay. Theo bà Nguyễn Ngọc T xác định nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể hàn gắn được do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung và bà Nguyễn Ngọc T, ông Tô Văn S đã sống ly thân. Bên cạnh đó bà Nguyễn Ngọc T không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Tô Văn S, cũng như bà đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và ông Tô Văn S vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải trước khi xét xử cũng như hòa giải tại phiên tòa để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T cho bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Tô Văn S.

[3.3] Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Ngọc T và ông Tô Văn S có 02 người con chung tên Tô Nhã Q, sinh ngày: 21/05/2015 và Tô Phúc N, sinh ngày 03/11/2018 do bà Nguyễn Ngọc T đang trực tiếp nuôi dưỡng nội dung này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mà nguyên đơn đã giao nộp thể hiện là con chung của vợ chồng.

[3.4] Xét ý kiến của bà Nguyễn Ngọc T về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Tô Nhã Q, sinh ngày: 21/05/2015 và Tô Phúc N, sinh ngày 03/11/2018 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu Tô Nhã Q, sinh ngày: 21/05/2015 và Tô Phúc N, sinh ngày 03/11/2018 cũng đã trình bày nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Giữa nguyên đơn và bị đơn cũng không thỏa thuận được về vấn đề nuôi con chung. Bà Nguyễn Ngọc T đã xác định đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 giao cháu Tô Nhã Q, sinh ngày: 21/05/2015 và Tô Phúc N, sinh ngày 03/11/2018 cho bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay bà Nguyễn Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.6] Bên cạnh đó ông Tô Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc T xác định không tranh chấp do đã thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Nguyễn Ngọc T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Ngọc T, ông Tô Văn S có quyền

kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Tô Văn S.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Tô Nhã Q, sinh ngày: 21/05/2015 và Tô Phúc N, sinh ngày 03/11/2018 cho bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Tô Văn S không phải cấp dưỡng cho con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Tô Văn S mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc T xác định không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008324, ngày 29/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy bà Nguyễn Ngọc T đã thực hiện xong. Ông Tô Văn S không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc T, ông Tô Văn S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- P.GĐKT, TTr &THA TAND TP.CT;
- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- THADS Cần Thơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã C, TP.HCM (Giấy CNKH số 30/2014 do UBND xã C cấp ngày 18/03/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thái Ngọc